TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, sinh năm 1993.

Là người đại diện của H kinh doanh Tân Thành C.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Mai C1, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: + Ông Lê Hoàng K (vắng mặt);

+ Bà Lê Thị Trúc N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn trình bày:

Trước đây vào năm 2018, ông Trần Quang S có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N thông qua thỏa thuận bằng lời nói. Bên cạnh đó ông Trần Quang S giao dịch thông qua các sổ giao nhận hàng mang tên "Anh K" và mỗi lần giao hàng đều được ông K hoặc bà N ký xác nhận. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi cho vợ chồng ông K và bà N hoặc người nhà của vợ chồng ông K và bà N đến lấy hàng tại kho của ông Trần Quang S. Ông K và bà N tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông Trần Quang S yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, theo hợp đồng thì vợ chồng ông K và bà N phải thanh toán hết tiền hàng cho ông Trần Quang S. Trường hợp xét thấy công nợ cao, vợ chồng ông K và bà N vẫn không thanh toán tiền hàng thì ông Trần Quang S có quyền cắt hàng và đề nghị vợ chồng ông K và bà N thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông Trần Quang S.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông Trần Quang S đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của vợ chồng ông K và bà N. Sau khi nhận hàng vợ chồng ông K và bà N không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông Trần Quang S đã giao. Trong quá trình mua bán, ông Trần Quang S thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng nhưng vợ chồng ông K và bà N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể vợ chồng ông K và bà N không thanh toán hết tiền hàng cho ông Trần Quang S để công nợ đã lên đến 206.772.000 đồng.

Nay ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K và bà N trả cho ông Trần Quang S là người đại diện của H kinh doanh Tân Thành C số tiền nợ gốc là 206.772.000 đồng.

- Đối với bị đơn ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N: Ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản thể hiện ý cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mai C1, ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà C1, ông K và bà N vắng mặt. Bà C1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông K và bà N vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị Mai C1 và bị đơn ông Lê Hoàng K, bà Lê Thị Trúc N.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 206.772.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là "Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng" đề ngày 29/11/2022, tồn nợ cuối kỳ là 206.772.000 đồng khách hàng bà Lê Thị Trúc N đã ký

và sổ ghi chép việc mua hàng có chữ ký của ông K, bà N. Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông K và bà N còn nợ lại là 206.772.000 đồng và có chữ ký xác nhận của ông K, bà N. Ông K và bà N đã được Toà án cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh. Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015, được pháp luật bảo vệ. Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm cho bên mua là ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N. Ông K và bà N đã nhận đủ tài sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông K và bà N chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận và ông K và bà N còn nợ của ông S số tiền là 206.772.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trần Quang S đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu ông K và bà N trả số tiền nợ 206.772.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Quang S đại diện Hộ kinh doanh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T.

2. Buộc ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh Tân Thành C tổng số tiền nợ gốc là 206.772.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh Tân Thành C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.169.300 đồng (Năm triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm đồng) theo biên lai thu số 0010371 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Lê Hoàng K và bà Lê Thị Trúc N phải liên đới nộp án phí dân sự là 10.338.600 đồng (Mười triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về việc kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến